TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3655/2023/DS-ST
Ngày: 15/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*tham gia phiên tòa*: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2023/DSST ngày 07 tháng 4 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5224/2023/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Hữu T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 36 đường A, khu phố B, phường C, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trương Quang T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 06 A, khu phố B, phường C, thành phố D, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Ngọc G, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 36 đường A, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Hữu T trình bày: Ngày 30/05/2021, ông có cho ông Trương Quang T là chủ quán cà phê T Coffee vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) qua tin nhắn điện thoại. Ông T cam kết trong vòng 15 (mười lăm) ngày sẽ trả số tiền nói trên cho ông. Đến thời hạn trả nợ, do thời gian dịch bệnh khó khăn, ông T mong muốn xin được khất nợ và hứa hẹn sẽ trả lãi theo từng tháng. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông T không chịu trả lãi theo tháng và số tiền gốc cho ông

mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ, nhắn tin, tìm đến nhà ông T nhưng không liên lạc được, gọi điện thoại thì ông T không chịu bắt máy. Do đó ông khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu phải trả lãi. Ông Th xác định số tiền này là do cá nhân ông T vay nên ông Th chỉ yêu cầu cá nhân ông T trả số tiền trên, không liên quan gì đến ai khác.

Bị đơn ông Trương Quang T mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có lời khai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Ngọc G trình bày: Xác nhận là vợ của ông Phan Hữu T, số tiền ông Th cho vay là tiền cá nhân ông Th, không liên quan đến bà G nên không có tranh chấp hay khiếu nại gì về vụ kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Phan Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Ngọc G có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Phan Hữu T và ông Trương Quang T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Trương Quang T đã được tống đạt theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; ông Phan Hữu T, bà Lâm Ngọc G có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Th, ông T, bà G.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Quang T phải trả số tiền 30.000.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét bị đơn ông Trương Quang T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ chi tiết giao dịch tài khoản khách hàng ngày 15/12/2022 của Ngân hàng TMCP S thể hiện ông T có chuyển khoản vào số tài khoản số 03810003XXXXX do ông Trương Quang T làm chủ tài khoản. Mặt khác, căn cứ công văn số 1518/TT.TCTK-ĐSTK ngày 14/8/2023 Của Trung tâm tính cước và Th toán – Tổng công ty VT X và Công văn số 238/VCB – TĐU.KT ngày 29/8/2023 của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T đã thể hiện số điện thoại 93933335XX là do ông Trương Quang T đứng tên chủ thuê bao và tài khoản số 03810003XXXXX là tài khoản của ông Trương Quang T và ngày 30/5/2021 số tài khoản trên có nhận được số tiền là 30.000.000 đồng. Xét theo thỏa thuận, ông Trương Quang T có trách nhiệm trả số tiền đã vay trong vòng 15 ngày kể từ ngày mượn. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ, ông T không thực hiện. Do đó, nguyên đơn yêu cầu cá nhân ông Trương Quang T Th toán số tiền gốc là 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trương Quang T có trách nhiệm trả cho ông Phan Hữu T số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Trương Quang T phải chịu án phí dân sự thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể ông Trương Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phan Hữu T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.231.494 đồng (một triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0002738 ngày 06/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 40, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Hữu T.

Buộc ông Trương Quang T có trách nhiệm Th toán cho ông Phan Hữu T số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phan Hữu T cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên, hàng tháng ông Trương Th T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, ông Trương Quang T chưa nộp án phí.

Ông Phan Hữu T không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông Phan Hữu T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.231.494 đồng (một triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi bồn đồng) theo biên lai thu số 0002738 ngày 06/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND.TP TĐ;
- THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.